

138/2024 VIET NAM - NORTH CENTRAL COAST - HA TINH - Depths.
Source: Viet Nam Maritime Safety - North, Notice No. 394/2024/TBHH-TCTBĐATHHMB
Chart - VN40015 [*previous update 129/2024*]

Insert	depth, ¹⁹ ₆	18°05.55'N 106°26.48'E
	depth, ¹⁹ ₆	18°05.31'N 106°26.54'E
	depth, ¹⁹ ₆	18°05.03'N 106°26.55'E
	depth, ⁹ ₉	18°03.60'N 106°26.11'E
Replace	depth, ²⁰ ₄ , with depth, ²⁰ ₂	18°03.60'N 106°26.57'E
	depth, ²⁰ ₅ , with depth, ²⁰ ₂	18°03.56'N 106°26.89'E
	depth, ²⁰ ₃ , with depth, ²⁰ ₂	18°03.51'N 106°26.99'E
	depth, ²⁰ ₃ , with depth, ²⁰ ₂	18°03.40'N 106°26.87'E
	depth, ¹⁸ ₉ , with depth, ¹⁹ ₇	18°03.40'N 106°27.07'E
	depth, ⁹ ₈ , with depth, ⁹ ₉	18°03.54'N 106°26.15'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

138/2024 VIỆT NAM - BỜ BIỂN BẮC TRUNG BỘ - HÀ TĨNH - Độ sâu.
Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Thông báo số 394/2024/TBHH-TCTBĐATHHMB
Hải đồ - VN40015 [*cập nhật trước 129/2024*]

Chèn	độ sâu, ¹⁹ ₆	18°05.55'N 106°26.48'E
	độ sâu, ¹⁹ ₆	18°05.31'N 106°26.54'E
	độ sâu, ¹⁹ ₆	18°05.03'N 106°26.55'E
	độ sâu, ⁹ ₉	18°03.60'N 106°26.11'E
Thay	độ sâu, ²⁰ ₄ , bằng độ sâu, ²⁰ ₂	18°03.60'N 106°26.57'E
	độ sâu, ²⁰ ₅ , bằng độ sâu, ²⁰ ₂	18°03.56'N 106°26.89'E
	độ sâu, ²⁰ ₃ , bằng độ sâu, ²⁰ ₂	18°03.51'N 106°26.99'E
	độ sâu, ²⁰ ₃ , bằng độ sâu, ²⁰ ₂	18°03.40'N 106°26.87'E
	độ sâu, ¹⁸ ₉ , bằng độ sâu, ¹⁹ ₇	18°03.40'N 106°27.07'E
	độ sâu, ⁹ ₈ , bằng độ sâu, ⁹ ₉	18°03.54'N 106°26.15'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)